

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty: La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 24).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn                      Chủ tịch

Ông Tetsuji Nagata                      Ủy viên

Ông Trịnh Văn Quảng                      Ủy viên

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Tùng Lâm                      Tổng Giám đốc                      Miễn nhiệm ngày 30/5/2011

Ông Bùi Hoàng Tuấn                      Tổng Giám đốc                      Bỏ nhiệm ngày 30/5/2011

Bà Âu Thiên Hương                      Phó Tổng Giám đốc                      Bỏ nhiệm ngày 01/6/2011

Ông Trịnh Văn Quảng                      Phó Tổng Giám đốc                      Bỏ nhiệm ngày 01/6/2011

Bà Phan Anh Thu                      Kế toán trưởng

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Bùi Hoàng Tuấn**



Số: 168/2011/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011  
và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long được lập ngày 06 tháng 8 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính với nhận xét có đề cập đến các vấn đề sau:

- Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, số tiền là: 1.300.000.000 đồng.
- Chưa đủ cơ sở để đánh giá việc xác định giá thành sản phẩm của Công ty.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc Công ty chưa thực hiện trích lập tổn thất khoản đầu tư tài chính, số tiền là: 20.000.000.000 đồng.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét, chúng tôi nhận thấy, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính, số tiền là 20.000.000.000 đồng vào Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thay vì điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính những năm trước.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

### Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-08) 3910 4881 \* Fax: (84-08) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

### Branch in Hanoi

706 A5 Building, Thanglong Int. Village, Cau Giay Dist., Hanoi  
Tel: (84-04) 3793 1428 \* Fax: (84-04) 3793 1429  
Email: infohn@aascn.com.vn

**Báo cáo soát xét (tiếp theo)**

Không phù hợp nhận xét nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo này về việc nhà máy sản xuất cáp đã ngừng hoạt động từ tháng 6 năm 2010 và toàn bộ tài sản của Công ty là nhà máy và dây chuyền sản xuất cáp với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 lần lượt là 45.170.486.990 đồng và 15.302.518.234 đồng không còn phát huy hiệu quả, toàn bộ chi phí khấu hao của những tài sản này trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 với số tiền là 801.114.292 đồng đang được ghi nhận vào chi phí khác.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**  
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

**Kiểm toán viên**

**Bùi Thị Ngọc Lan**  
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

CÔNG TY: CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

Địa chỉ: La Dương-Dương Nội- Hà Đông- Hà Nội

Tel: 04 39748891 Fax: 04 39748890

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý II Năm tài chính 2011

Mẫu số Q-01d

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	uyệt mir	Số đầu năm	Số cuối kỳ
<b>TÀI SẢN</b>	<b>0</b>		-	-
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>83,500,367,466</b>	<b>64,010,532,838</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1,330,635,522</b>	<b>825,506,172</b>
1. Tiền	111		1,330,635,522	825,506,172
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>63,175,025,062</b>	<b>57,790,564,779</b>
1. Phải thu khách hàng	131		23,714,749,801	12,487,524,523
2. Trả trước cho người bán	132		5,529,416,240	3,348,180,143
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		34,960,216,996	44,385,631,119
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,029,357,975)	(2,430,771,006)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17,479,610,747</b>	<b>4,197,133,132</b>
1. Hàng tồn kho	141		17,479,610,747	8,872,155,212
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(4,675,022,080)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,515,096,135</b>	<b>1,197,328,755</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23,220,000	135,855,605
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		102,992,263	94,713,848
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1,388,883,872	966,759,302
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>120,660,322,473</b>	<b>105,978,424,232</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10,285,895,049</b>	<b>15,840,551,170</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>		<b>10,268,561,714</b>	<b>15,825,217,839</b>
- Nguyên giá	222		40,307,733,948	46,722,379,739
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30,039,172,234)	(30,897,161,900)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>17,333,335</b>	<b>15,333,331</b>
- Nguyên giá	228		20,000,000	20,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,666,665)	(4,666,669)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>109,929,815,974</b>	<b>89,919,815,974</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		20,000,000,000	20,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		89,929,815,974	89,919,815,974
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(20,000,000,000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>444,611,450</b>	<b>218,057,088</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		444,611,450	218,057,088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-

3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>204,160,689,939</b>	<b>169,988,957,070</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>0</b>		-	-
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29,511,360,215</b>	<b>20,696,752,063</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29,248,969,215</b>	<b>20,696,752,063</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		24,363,806,309	16,603,666,581
3. Người mua trả tiền trước	313		713,722,649	280,203,985
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		599,269,963	35,159,585
5. Phải trả người lao động	315		144,144,825	119,017,590
6. Chi phí phải trả	316		23,844,272	70,000,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3,162,985,052	3,375,721,441
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		241,196,145	212,982,881
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>262,391,000</b>	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		250,000,000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		12,391,000	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>174,649,329,724</b>	<b>149,292,205,007</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>174,649,329,724</b>	<b>149,292,205,007</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		111,000,000,000	111,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		91,000,000,000	91,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11,718,534,049	11,718,534,049
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(39,069,204,325)	(64,426,329,042)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIẾU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>204,160,689,939</b>	<b>169,988,957,070</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>	<b>0</b>		-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

Ngày 10 tháng 8 năm 2011  
Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Phan Anh Thu

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY: CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

Địa chỉ: La Dương-Dương Nội- Hà Đông- Hà Nội

Tel: 04 39748891 Fax: 04 39748890

6T

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý II Năm tài chính 2011**

Mẫu số Q-02d

**DN-BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH-BÁN NIÊN**

Chỉ tiêu	Mã chi tiêu	Thu yết min	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		23,890,830,490	57,875,893,650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		73,600,000	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>23,817,230,490</b>	<b>57,875,893,650</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		29,622,396,439	65,995,603,772
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(5,805,165,949)</b>	<b>(8,119,710,122)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5,148,860,212	20,115,150
7. Chi phí tài chính	22		20,000,000,000	29,549,623
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		423,682,314	952,269,209
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,920,010,245	1,480,394,148
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(23,999,998,296)</b>	<b>(10,561,807,952)</b>
11. Thu nhập khác	31		28,357,876	365,000
12. Chi phí khác	32		1,385,484,297	-
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(1,357,126,421)</b>	<b>365,000</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(25,357,124,717)</b>	<b>(10,561,442,952)</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(25,357,124,717)</b>	<b>(10,561,442,952)</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		(2,284)	(1,056)

Kế toán trưởng

Phan Anh Thu

Ngày 10 tháng 8 năm 2011  
Tổng giám đốc

Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY: CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

Địa chỉ: La Dương-Dương Nội- Hà Đông- Hà Nội

Tel: 04 39748891 Fax: 04 39748890

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý II Năm tài chính 2011**

Mẫu số Q-03d

**DN-BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ-PPGT-BẢN NIÊN**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>			-	-
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>(25,357,124,717)</b>	<b>(10,561,442,952)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			-	-
Khấu hao TSCĐ	02		859,989,670	1,159,166,652
Các khoản dự phòng	03		26,076,435,111	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5,144,275,395)	-
Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(3,564,975,331)</b>	<b>(9,402,276,300)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9,538,879,748	(34,514,484,914)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8,607,455,535	(2,385,428,322)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế thu	11		(15,201,040,679)	45,018,123,504
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		113,918,757	(111,827,913)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(28,213,264)	(12,600,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(533,975,234)</b>	<b>(1,408,493,945)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(243,888,353)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18,845,884	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>28,845,884</b>	<b>(243,888,353)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(505,129,350)</b>	<b>(1,652,382,298)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,330,635,522	1,688,752,545
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>825,506,172</b>	<b>36,370,247</b>

Ngày 10 tháng 8 năm 2011

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Phan Anh Thu

Bùi Hoàng Tuấn



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

##### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

##### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, xây dựng, thương mại.

##### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 là:

- Sản xuất kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Thiết kế vô tuyến điện đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, lắp đặt công trình viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

##### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc hàng tồn kho, theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”

### **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	8 năm
- Phần mềm máy vi tính	5 năm

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Trích lập dự phòng khi giá trị đầu tư vào Công ty con bị giảm. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ tài chính về việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí khác phát sinh liên quan đến nhiều niên độ kế toán.

### **06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là:

- Dự phòng đầu tư vào Công ty con;

Chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế TNDN được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%.

### **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

#### **01. Tiền**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
- Tiền mặt	115.151.910	14.679.028
- Tiền gửi ngân hàng	710.354.262	1.315.956.494
<b>Cộng</b>	<b>825.506.172</b>	<b>1.330.635.522</b>

#### **02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
- Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	44.005.388.860	34.538.670.293
- Các khoản phải thu khác	380.242.259	421.546.703
<b>Cộng</b>	<b>44.385.631.119</b>	<b>34.960.216.996</b>

#### **03. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	7.569.219.870	16.015.514.401
- Công cụ, dụng cụ	143.693.988	143.693.988
- Thành phẩm	1.010.139.513	1.224.452.700
- Hàng hoá	33.852.980	47.435.050
- Hàng gửi đi bán	115.248.861	48.514.608
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>8.872.155.212</b>	<b>17.479.610.747</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.334.481.310</b>	<b>35.421.359.889</b>	<b>1.274.599.417</b>	<b>277.293.332</b>	-	<b>40.307.733.948</b>
- Mua trong kỳ	-	6.414.645.791	-	-	-	6.414.645.791
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.334.481.310</b>	<b>41.836.005.680</b>	<b>1.274.599.417</b>	<b>277.293.332</b>	-	<b>46.722.379.739</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.312.923.198</b>	<b>27.768.106.310</b>	<b>751.484.657</b>	<b>206.658.069</b>	-	<b>30.039.172.234</b>
- Khấu hao trong kỳ	66.689.670	720.249.622	63.729.978	7.320.396	-	857.989.666
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.379.612.868</b>	<b>28.488.355.932</b>	<b>815.214.635</b>	<b>213.978.465</b>	-	<b>30.897.161.900</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.021.558.112</b>	<b>7.653.253.579</b>	<b>523.114.760</b>	<b>70.635.263</b>	-	<b>10.268.561.714</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>1.954.868.442</b>	<b>13.347.649.748</b>	<b>459.384.782</b>	<b>63.314.867</b>	-	<b>15.825.217.839</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>20.000.000</b>	-	<b>20.000.000</b>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>20.000.000</b>	-	<b>20.000.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.666.665</b>	-	<b>2.666.665</b>
- Khấu hao trong kỳ	2.000.004	-	2.000.004
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.666.669</b>	-	<b>4.666.669</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>17.333.335</b>	-	<b>17.333.335</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>15.333.331</b>	-	<b>15.333.331</b>

**06. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/6/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
b- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư trái phiếu		-		10.000.000
+ Trái phiếu chính phủ		-		10.000.000
+ Trái phiếu công ty		-		-
- Cho vay dài hạn (*)		89.919.815.974		89.919.815.974
c- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				
+ Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con		(20.000.000.000)		-

(\*) Cho vay dài hạn là khoản cho Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long vay theo hợp đồng tín dụng ngày 20/02/2007 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 29/01/2010. Hợp đồng này không quy định cụ thể số tiền vay mà căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên, số tiền cụ thể được tính căn cứ vào phiếu chi, ủy nhiệm chi của Công ty. Lãi vay là 0,95%/tháng. Mục đích của khoản cho vay là để Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long thực hiện đầu tư dây chuyền sản xuất cấp, thời hạn vay từ 2 đến 5 năm. Công ty sẽ thông báo lịch trả nợ cho Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long trước 3 tháng khi có nhu cầu thu hồi khoản vay. (theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 29/01/2010 thì khoản vay này được miễn toàn bộ lãi trong năm 2010)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	77.607.460	93.299.515
- Chi phí sửa chữa tài sản	49.675.319	325.383.905
- Chi phí trả trước dài hạn khác	90.774.309	25.928.030
<b>Cộng</b>	<b><u>218.057.088</u></b>	<b><u>444.611.450</u></b>

**08. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Thuế giá trị gia tăng	-	537.926.108
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	35.159.585	61.343.855
- Các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>35.159.585</u></b>	<b><u>599.269.963</u></b>

**09. Chi phí phải trả**

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí phải trả khác	70.000.000	23.844.272
<b>Cộng</b>	<b><u>70.000.000</u></b>	<b><u>23.844.272</u></b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Kinh phí công đoàn	11.670.071	-
- Bảo hiểm xã hội	31.048.744	25.547.000
- Bảo hiểm y tế	67.500	1.903.500
- Bảo hiểm thất nghiệp	847.012	639.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.332.088.114	3.134.895.552
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	3.002.982.836	3.002.982.836
+ <i>Khác</i>	329.105.278	131.912.716
<b>Cộng</b>	<b><u>3.375.721.441</u></b>	<b><u>3.162.985.052</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**11. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<b>Tổng cộng</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(21.804.737.839)</b>	<b>180.913.796.210</b>
Tăng vốn trong năm trước	11.000.000.000	-	-	-	11.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(16.793.281.849)	(16.793.281.849)
Giảm khác	-	-	-	(471.184.637)	(471.184.637)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(39.069.204.325)</b>	<b>174.649.329.724</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>					
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm kỳ	-	-	-	(25.357.124.717)	(25.357.124.717)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>	<b>11.718.534.049</b>	<b>(64.426.329.042)</b>	<b>149.292.205.007</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	111.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp của các đối tượng khác	101.000.000.000	101.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>111.000.000.000</u></b>	<b><u>111.000.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	111.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	-	11.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.100.000	11.100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.100.000	11.100.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	11.718.534.049	11.718.534.049
<b>Cộng</b>	<b><u>11.718.534.049</u></b>	<b><u>11.718.534.049</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
- Doanh thu bán hàng	23.890.830.490	57.875.893.650
		-
<b>Cộng</b>	<b>23.890.830.490</b>	<b>57.875.893.650</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	73.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>73.600.000</b>	<b>-</b>

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	23.817.230.490	57.875.893.650
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.817.230.490</b>	<b>57.875.893.650</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.947.374.359	5.304.948.260
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		60.690.655.512
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.675.022.080	-
<b>Cộng</b>	<b>29.622.396.439</b>	<b>65.995.603.772</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.144.275.395	20.115.150
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.027.682	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	557.135	-
<b>Cộng</b>	<b>5.148.860.212</b>	<b>20.115.150</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
- Lãi tiền vay	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	20.000.000.000	-
- Chi phí tài chính khác	-	29.549.623
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>29.549.623</b>

**07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	44.698.430.072
- Chi phí nhân công	940.678.937	1.728.664.326
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.875.378	1.198.635.652
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.754.314	1.222.445.534
- Chi phí khác bằng tiền	2.196.383.930	852.784.936
<b>Cộng</b>	<b>3.343.692.559</b>	<b>49.700.960.520</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Thông tin về các bên liên quan:**

1.1 Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong kỳ bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Là cổ đông chiếm 9,01% vốn điều lệ của Công ty

1.2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiền VND</i>
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Bán thành phẩm, hàng hóa	2.537.789.675
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Mua nguyên vật liệu	14.891.338.450
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Mua hàng hóa	10.526.227.841

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

1.3. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Phải trả người bán	14.327.003.340
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Phải thu khách hàng	5.754.194.377
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Phải thu khác	44.005.388.860
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Cho vay	89.919.815.974
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	Trả trước cho người bán	3.255.346.567

**02. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 đã được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính.

**03. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2011*

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Lê Thị Thuý Hương****Phan Anh Thu****Bùi Hoàng Tuấn**